ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3952 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 02 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giáo dục áp dụng đối với Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23 tháng 4 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực giáo dục đào tạo của thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với một số mô hình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông của thành phố Hà

Nội; chính sách đầu tư, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 1 Điều 16, điểm a và một phần điểm d khoản 2 Điều 25 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

Căn cứ Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về cơ sở giáo dục chất lượng cao;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 3798/TTr-SGDĐT ngày 30 tháng 7 năm 2026 về việc ban hành Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giáo dục áp dụng đối với Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giáo dục áp dụng đối với Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

(*chi tiết tại Phụ lục kèm theo*)

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành tại Quyết định này, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội xây dựng mức thu học phí chương trình bổ sung áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm về tính khách quan, chính xác của các số liệu, tính toán trong hồ sơ trình.

3. Trong quá trình thực hiện, Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm chỉ đạo Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội tổ chức rà soát, đánh giá, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh, bổ sung kịp thời, đảm bảo phù hợp thực tế và quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Hà Đông; Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đ/c PCT UBND Thành phố;
- VPUB: CVP, các Phó Chánh Văn phòng; Các phòng: KGVX, KT, NC, TH;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Thu Hà

PHỤ LỤC
Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giáo dục áp dụng đối với Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3952 /QĐ-UBND ngày 02 / 8 /2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Căn cứ xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

a) Quy định về chương trình giáo dục, chương trình đào tạo, chuẩn khối lượng kiến thức, chuẩn năng lực đầu ra của người học tương ứng mỗi cấp học và trình độ đào tạo đối với giáo dục chính quy và các chương trình giáo dục khác đối với giáo dục thường xuyên; chương trình bổ sung được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

b) Các nội dung được quy định trong Điều lệ trường tiểu học; vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc, chế độ làm việc của nhà giáo, nhân viên hành chính, nhân viên phục vụ của các cơ sở giáo dục.

c) Điều kiện thực tế hoạt động của các trường tiểu học về cơ sở vật chất, bao gồm: công trình xây dựng, máy móc, trang thiết bị giảng dạy và học tập.

d) Quy định về tiêu chuẩn, định mức trang thiết bị và phương tiện làm việc của giáo viên, người lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp và tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

e) Số liệu thống kê hằng năm và các tài liệu có liên quan.

2. Cơ sở pháp lý xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

- Luật Thư viện số 46/2019/QH14 [1];

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/ 6/2025;

- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 ngày 10/12/ 2025;

- Căn cứ Luật Thủ đô số 02/2026/QH16 ngày 23 tháng 4 năm 2026;

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

- Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025; Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày

[1] Điều 9, Điều 15 quy định về thư viện cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

11/6/2025, Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025;

- Nghị định số 93/2020/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thư viện;

- Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg;

- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 13/2022/TT-BGDĐT, Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT;

- Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học;

- Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

- Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023;

- Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông;

- Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

- Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo;

- Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học;

- Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

- Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND của HĐND Thành phố quy định cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với một số mô hình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông của thành phố Hà Nội; chính sách đầu tư, hỗ trợ cơ sở vật chất, trang thiết bị đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn thành

phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 1 Điều 16, điểm a và một phần điểm d khoản 2 Điều 25 Luật Thủ đô số 02/2026/QH16);

- Quyết định số 54/2026/QĐ-UBND ngày 07/5/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về cơ sở giáo dục chất lượng cao;

- Quyết định số 541/QĐ-UBND, ngày 04 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc công nhận Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội đạt tiêu chí chất lượng cao;

- Quyết định số 1047/QĐ-SGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Chương trình giáo dục bổ sung của Trường Tiểu học Vạn Bảo, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. *(Nay là Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội)*

3. Mục tiêu, nguyên tắc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo.

4. Phương pháp xây dựng

Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo.

Việc xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật để xây dựng giá dịch vụ làm cơ sở đặt hàng được kết hợp 3 phương pháp[2], cụ thể:

- Phương pháp tiêu chuẩn: căn cứ vào các tiêu chuẩn, quy định của pháp luật về thời gian lao động, chế độ nghỉ ngơi, mức tiêu hao máy móc, thiết bị để xây dựng các định mức lao động, thiết bị, vật tư và cơ sở vật chất đối với từng công việc, làm cơ sở tính toán xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Phương pháp thống kê tổng hợp: căn cứ số liệu thống kê hằng năm hoặc trong các kỳ báo cáo trong thời gian 03 năm liên tục trước thời điểm xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật và thực tế giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật.

- Phương pháp phân tích thực nghiệm: thực hiện tổ chức khảo sát, thực nghiệm theo từng quy trình, nội dung công việc; căn cứ kết quả khảo sát, thực nghiệm để phân tích, tính toán từng yếu tố cấu thành định mức.

II. NỘI DUNG CỦA ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT

Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo là định mức tiêu hao, hao phí các yếu tố về lao động, thiết bị, vật tư, cơ sở vật chất để hoàn thành việc giáo dục, đào tạo cho 01 người học đạt được các tiêu chí, tiêu

[2] Theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT.

chuẩn do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giáo dục áp dụng đối với Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội bao gồm 03 định mức thành phần cơ bản: (1) Định mức lao động; (2) Định mức thiết bị; (3) Định mức vật tư. Cụ thể:

1. Định mức lao động [3]

Định mức lao động (giờ) = Định mức lao động trực tiếp + Định mức lao động gián tiếp

a) Quy định của pháp luật để xác định định mức lao động trực tiếp:

- Chương trình giáo dục phổ thông: Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT, Thông tư số 17/2025/TT-BGDĐT.

- Định mức giờ giảng của giáo viên phổ thông và quy đổi hoạt động chuyên môn ra tiết dạy: Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

- Về kiểm tra, đánh giá học sinh: Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học; Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026.

b) Quy định của pháp luật để xác định định mức lao động gián tiếp: Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

c) Số liệu báo cáo thực tế của các trường về số tiết giảng dạy, hoạt động chuyên môn, tổ chức kiểm tra và số giờ lao động của cán bộ quản lý, nhân viên hành chính, phục vụ.

(Chi tiết theo Biểu số 01)

2. Định mức thiết bị [4]

a) Danh mục thiết bị được xác định theo quy định tại (1) Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 10/2026/QĐ-TTg; (2) Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường trung học phổ thông có nhiều cấp học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 23/2024/TT-

[3] Theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT.
[4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT.

BGDĐT; (3) Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 và các văn bản pháp lý khác; (4) các Quyết định phê duyệt tài sản, trang thiết bị cho các trường của các quận, huyện, thị xã (trước đây) và các phường, xã (hiện nay); (5) thực tế thiết bị sử dụng tại các trường tiểu học.

b) Căn cứ chủng loại, thông số kỹ thuật cơ bản của thiết bị, thời gian sử dụng của từng loại thiết bị, số lượng thiết bị cần thiết phục vụ học sinh hoàn thành chương trình học và quy mô học sinh của nhà trường để xác định định mức thiết bị.

(Chi tiết theo Biểu số 02)

3. Định mức vật tư [5]

Căn cứ số liệu báo cáo của trường học về chủng loại vật tư; thông số kỹ thuật cơ bản của vật tư; số lượng/khối lượng vật tư; quy mô học sinh của nhà trường để xác định định mức vật tư.

(Chi tiết theo Biểu số 03)

4. Định mức cơ sở vật chất

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giáo dục tiểu học được xác định theo kết cấu của Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT ngày 31/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật và phương pháp định giá dịch vụ giáo dục, đào tạo và tổng hợp, xử lý số liệu trên cơ sở báo cáo của Trường Tiểu học Vạn Bảo, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội; đồng thời, có khảo sát thực nghiệm, rà soát, phân tích đánh giá tính hợp lý của số liệu./.

[5] Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 14/2024/TT-BGDĐT.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Biểu số 01

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỊCH VỤ GIÁO DỤC ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN BẢO, PHƯỜNG HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG

(Kèm theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	NỘI DUNG	Số giờ hao phí lao động để người học hoàn thành chương trình đào tạo (giờ/lớp học)
I	**Lao động trực tiếp**	
1	Định mức lao động giảng dạy trực tiếp đảm bảo chương trình giáo dục phổ thông	1207,50
2	Định mức lao động giảng dạy trực tiếp đảm bảo môn học bổ sung	292,6
II	**Lao động gián tiếp**	
1	Cán bộ quản lý	65,27
2	Cán bộ vị trí chuyên môn dùng chung (tổng phụ trách đội, y tế học đường, quản trị công sở, thư viện, văn thư, thủ quỹ, kế toán)	130,54

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Biểu số 02

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ GIÁO DỤC ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN BẢO, PHƯỜNG HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ĐỊNH MỨC THIẾT BỊ

(Kèm theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Thiết bị	Địa điểm sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Thiết bị âm thanh hỗ trợ giảng dạy	Phòng học	Behringer MPA100BT , Power Output: Công suất: 100W ampli Class D, Thiết bị bao gồm: 01 Loa liền âm ly, 02 Micro không dây cầm tay, 01 pin khô kèm sẵn trong loa, dây nguồn, tần số 2402MHz-2480MHz, 79 kênh, kích thước 373x241x229	Bộ	0,8108
2	Tivi + giá treo, cáp	Phòng học	Smart Tivi 4K LG 55 inch 55UT761H0TA • • Loại Tivi:Smart Tivi • Kích cỡ màn hình: 55 inch • Độ phân giải: Ultra HD 4K • Bluetooth: Có (kết nối loa bluetooth) • Kết nối Internet: Cổng LAN, Wifi • Cổng AV: Có cổng Composite và cổng Component • Cổng HDMI: 2 cổng • Cổng xuất âm thanh: Cổng Optical (Digital Audio Out), HDMI ARC • USB: 2 cổng • Tích hợp đầu thu kỹ thuật số: DVB-C, DVB-T2, DVB-T2C • Hệ điều hành, giao diện: WebOS 4.5 • Các ứng dụng YouTube, Netflix, Trình duyệt web, LG Content Store tải trên internet • Các ứng dụng phổ biến có thể xem thêm trên internet: FPT Play, MyTV, Clip TV, Nhaccuatui, Spotify, ZingTV • Remote thông minh: Có Magic Remote (tìm kiếm bằng giọng nói có hỗ trợ tiếng Việt) • Điều khiển tivi bằng điện thoại: Bằng ứng dụng LG TV Plus • Kết nối không dây với điện thoại, máy tính bảng: Chiếu màn hình	Chiếc	0,9730

STT	Thiết bị	Địa điểm sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			Screen Mirroring • Kết nối Bàn phím, chuột: Có thể kết nối (sử dụng tốt nhất trong trình duyệt web) • Tính năng thông minh khác: AI ThinQ, Tìm kiếm bằng giọng nói (có hỗ trợ tiếng Việt)		
3	Tivi + giá treo	Phòng học	Smart Tivi 4K 55NANO81TNA Loại Tivi:Smart Tivi, Tivi Ultra HD Kích cỡ màn hình: 55 inch Độ phân giải: 4K Ultra HD (3840 x 2160px) Kết nối Bluetooth: Có Kết nối Internet: Wifi, Cổng LAN Cổng: AV Cổng: Composite Cổng HDMI: 4 cổng Cổng USB: 2 cổng Cổng xuất âm thanh: Cổng Optical (Digital Audio Out) Tích hợp đầu thu kỹ thuật số: DVB-T2, DVB-T2C Nơi sản xuất: Indonesia Sản xuất trong năm thực hiện, mới 100% Bảo hành: 12 tháng	Chiếc	0,0541
4	Điều hòa treo tường	Phòng học	LG 12000, 1 chiều công suất 1,5HP	Chiếc	0,0811
5	Điều hòa treo tường	Phòng học	LG 18000, 1 chiều công suất 2HP	Chiếc	1,9730
6	Máy soi bài	Phòng học	Máy soi Thương Hiệu: Smart ele Model: SM-A10 Máy thu (máy soi bài) tài liệu Loại phần tử quét: CMOS Độ sâu màu: 24 bit Loại giao diện: USB Khổ giấy tối đa: A3 Độ phân giải quang học: 5MP fixed focus Tốc độ quét: <1 giây Độ phân giải camera: 5MP Độ phân giải: 2590*1944 Kích thước chụp: A4 trở xuống Màu sắc thân máy: Màu xám Định dạng quét: JPG, BMP, TIF, PNG, PDF Điều khiển đèn flash: 50Hz hoặc 60Hz	Chiếc	0,7297
7	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	Phòng Y tế-23.6m2	Cân sức khỏe đo chiều cao TZ-120	Chiếc	0,0270
8	Điều hòa Nagakawa	Phòng Y tế-23.6m2	Điều hòa Nagakawa 12000, điện nguồn 220-240v, điện năng 1,090w	Bộ	0,0270

STT	Thiết bị	Địa điểm sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
9	Máy vi tính để bàn	Phòng Y tế-23.6m2	Máy vi tính để bàn FPT 19,5" Ram 4GB, HD 1600x900; DDR4: 2400MHz; Ổ cứng 7200RPM	Bộ	0,0270
10	Máy vi tính để bàn	Thư viện (mượn sách)	Máy vi tính để bàn FPT 19,5" Ram 4GB, HD 1600x900; DDR4: 2400MHz; Ổ cứng 7200RPM	Bộ	0,1081
11	Máy in	Thư viện (mượn sách)	Máy in Canon LBP 161, in đen trắng khổ A4, 2 mặt tự động, tốc độ 28 trang/phút, Bộ nhớ 256MB, Bộ vi xử lý 600MHz, độ phân giải 600x600dpi	Chiếc	0,0270
12	Ti vi + giá treo, cáp	Thư viện (mượn sách)	Smart Tivi 4K LG 55 inch 55UT761H0TA Smart Tivi 4K LG 55 inch 55UT761H0TA • • Loại Tivi:Smart Tivi • Kích cỡ màn hình: 55 inch • Độ phân giải: Ultra HD 4K • Bluetooth: Có (kết nối loa bluetooth) • Kết nối Internet: Cổng LAN, Wifi • Cổng AV: Có cổng Composite và cổng Component • Cổng HDMI: 2 cổng • Cổng xuất âm thanh: Cổng Optical (Digital Audio Out), HDMI ARC • USB: 2 cổng • Tích hợp đầu thu kỹ thuật số: DVB-C, DVB-T2, DVB-T2C • Hệ điều hành, giao diện: WebOS 4.5 • Các ứng dụng YouTube, Netflix, Trình duyệt web, LG Content Store tải trên internet • Các ứng dụng phổ biến có thể xem thêm trên internet: FPT Play, MyTV, Clip TV, Nhaccuatui, Spotify, ZingTV • Remote thông minh: Có Magic Remote (tìm kiếm bằng giọng nói có hỗ trợ tiếng Việt) • Điều khiển tivi bằng điện thoại: Bằng ứng dụng LG TV Plus • Kết nối không dây với điện thoại, máy tính bảng: Chiếu màn hình Screen Mirroring • Kết nối Bàn phím, chuột: Có thể kết nối (sử dụng tốt nhất trong trình duyệt web) • Tính năng thông minh khác: AI ThinQ, Tìm kiếm bằng giọng nói (có hỗ trợ tiếng Việt)	Chiếc	0,0270
13	Điều hòa treo tường	Thư viện (phòng đọc học sinh)	Điều hòa treo tường LG 1 chiều công suất 2.5HP (24000)	Bộ	0,2432

STT	Thiết bị	Địa điểm sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
14	Bảng tương tác thông minh	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	Haboard; Model: HBI-082M, 82 inch, tốc độ xử lý tín hiệu 480 điểm/giây, Kích thước vùng tương tác: 1663mm X 1170 mm, Tốc độ xử lý tín hiệu: 480 điểm/giây; 10 m/s ~ 350 p/s;	Bộ	0,0541
15	Bộ thu và nhận tín hiệu IRS	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	RF-09A, truyền thông 2 chiều RF 2,4G, nhận dạng tín hiệu từ điều khiển từ xa, hỗ trợ 4 kênh radio, có đèn báo hiệu, tự động tránh xung đột, cổng kết nối với máy tính	Bộ	0,0541
16	Thiết bị điều khiển từ xa, kiểm tra đánh giá dạy và học ngoại ngữ dùng cho giáo viên và phần mềm điều khiển (Teacher's remote control)	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	IRS RF-09A, giao tiếp 2 chiều RF 2,4G, hỗ trợ 4 kênh radio, 15 phím chức năng, 2 đèn LED, 251 kênh, nguồn 2 pin CR2032	Bộ	0,0541
17	Thiết bị điều khiển từ xa, trả lời câu hỏi, thi trắc nghiệm dùng cho học viên và phần mềm	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	IRS RF-09A, Thiết bị trả lời câu hỏi thi trắc nghiệm, RF 2 chiều 2,4G, hỗ trợ 4 kênh radio, 15 phím chức năng, 2 đèn LED, 251 kênh, nguồn 2 pin CR2032	Bộ	2,5946
18	Đài Cassette	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	Bearmax KVR - 1209, tương thích CDR/CD-RW, chạy đài FM/FM, ST/AM, chạy tần số kỹ thuật số, điều khiển từ xa hồng ngoại cho tất cả các chức năng, lập trình và ghi nhớ chương trình chạy	Chiếc	0,0541
19	Amply	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	TOA A2120H, Indonesia, nguồn 220-240V, công suất 120W, đáp tần số 50-20,000Hz	Chiếc	0,0541
20	Loa hộp 30W	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	TOA BS-1030B, Mức áp suất âm thanh 90dB (1W, 1m), Loa hình nón 12cm kiểu vòm, kích thước 196 (w) x 290 (H) x 150(D)	Chiếc	0,2162
21	Micro không dây cầm tay	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	TOA WT5810F01+ mic TOA WM5225F01; 16 kênh, RF carrier: 50mW, cấp tối đa 126dB, đáp ứng tần số âm thanh 100Hz- 15KHz; tần số 100-15,000 Hz, tần số thu 567-867 MHz	Chiếc	0,0541
22	Máy chiếu cự ly gần	Phòng thực hành ngoại ngữ	Máy chiếu cự ly gần BENQ MW826ST, máy chiếu công nghệ	Chiếc	0,0541

STT	Thiết bị	Địa điểm sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
		(76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	DLP, cường độ sáng 3.400 lumens, phân giải WXGA (1280 x 800), tuổi thọ đèn 10.000 giờ, kích thước hiển thị 1,524-3,048mm, khung hình 70-120inch, Loa 10W, nguồn 100-240v, AC 50Hz		
23	Điều hòa treo tường	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	LG 12000, 1 chiều, công suất 1,5HP	Chiếc	0,0541
24	Điều hòa treo tường	Phòng thực hành ngoại ngữ (76m2+60m2) (khu nhà gần thư viện)	LG 24000, 1 chiều, công suất 2,5HP	Chiếc	0,0541
25	Thiết bị âm thanh hỗ trợ giảng dạy	Phòng thực hành ngoại ngữ (59,2m2+59,2m2) khu nhà lớp học B	Behringer MPA100BT , Power Output: Công suất: 100W ampli Class D, Thiết bị bao gồm: 01 Loa liền âm ly, 02 Micro không dây cầm tay, 01 pin khô kèm sẵn trong loa, dây nguồn	Bộ	0,0541
26	Tivi + giá treo, cáp	Phòng thực hành ngoại ngữ (59,2m2+59,2m2) khu nhà lớp học B	Smart Tivi 4K LG 55 inch 55UT761H0TA • Công nghệ hình ảnh, âm thanh • Công nghệ hình ảnh: True Color Accuracy, 4K Active HDR, HDR10 Pro, Tấm nền IPS, 4K Upscaler, NanoCell 2, HLG, Bộ nâng cấp màu Advanced Color Enhancer, Chip xử lý thông minh Quad Core P	Chiếc	0,0541
27	Máy chiếu đa năng công nghệ LCD	Phòng thực hành ngoại ngữ (59,2m2+59,2m2) khu nhà lớp học B	Máy chiếu SONY VPL-EX455 Cổng kết nối: Cổng kết nối:HDMI x 2, VGA x 2, VIDEO, S VIDEO,USB Type A, USB Type B, RS232,Microphone. Wireless qua IFU-WLM3 (Option). LAN (RJ45), USB; Loa: 16 w; Nguồn điện: 100 - 240 V AC, 50 Hz	Chiếc	0,0541
28	Điều hòa treo tường MDA 18000	Phòng thực hành ngoại ngữ (59,2m2+59,2m2) khu nhà lớp học B	Điều hòa 18000 MDA 1 chiều	Chiếc	0,1081
29	Màn hình LED	Phòng tập đa năng (Diện tích 378,7m2)	Loại thông dụng	Chiếc	0,0270
30	Đàn Organ dùng cho Giáo viên	Phòng âm nhạc	Yamaha PSR-S670, số phím 61, màn hình Full LCD 4.3", âm sắc 416 tiếng mặc định, 34 trống/bộ SFX, đệm 230, thu 16Track, kích thước 1004 x 134x 410 mm	Chiếc	0,0270

STT	Thiết bị	Địa điểm sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
31	Đàn Organ dùng cho Học sinh	Phòng âm nhạc	Yamaha PSR-E453, 61 phím, Full dot LCD, số đa âm 48, số giọng 237+24, âm li 6W, Loa 12cmx2, tiêu thụ điện 8W, tự động tắt nguồn	Chiếc	0,1351
32	Amply	Phòng âm nhạc	TOA A2120H, Nguồn 220-240v, công suất 120w, đáp tuyến tần số 50-20,000Hz, kích thước 420 x 101 x 360	Chiếc	0,0270
33	Loa hộp 30W	Phòng âm nhạc	TOA BS-1030B,công suất 10w, trở kháng 100v, cường độ âm 1w, 1m; 92db, kích thước 180 x 360 x 100mm	Chiếc	0,1081
34	Micro không dây cầm tay	Phòng âm nhạc	WM-5325 F01 +YP-M5310+ WT-5810 F01ER	Chiếc	0,0270
35	Máy chiếu đa năng công nghệ LCD	Phòng âm nhạc	Máy chiếu SONY VPL-EX455 Cổng kết nối: Cổng kết nối:HDMI x 2, VGA x 2, VIDEO, S VIDEO,USB Type A, USB Type B, RS232,Microphone. Wireless qua IFU-WLM3 (Option). LAN (RJ45), USB; Loa: 16 w; Nguồn điện: 100 - 240 V AC, 50 Hz	Chiếc	0,0270
36	Tivi	Phòng âm nhạc	Ti vi Samsung 65 inch; Loại Tivi:Smart Tivi • Độ phân giải: Ultra HD 4K • Bluetooth: Có (kết nối loa bluetooth) • Kết nối Internet: Cổng LAN, Wifi • Cổng AV: Có cổng Composite và cổng Component • Cổng HDMI: 2 cổng • Cổng xuất âm thanh: Cổng Optical (Digital Audio Out), HDMI ARC • USB: 2 cổng • Tích hợp đầu thu kỹ thuật số: DVB-C, DVB-T2, DVB-T2C • Hệ điều hành, giao diện: WebOS 4.5 • Các ứng dụng YouTube, Netflix, Trình duyệt web, LG Content Store tải trên internet • Các ứng dụng phổ biến có thể xem thêm trên internet: FPT Play, MyTV, Clip TV, Nhaccuatui, Spotify, ZingTV • Remote thông minh: Có Magic Remote (tìm kiếm bằng giọng nói có hỗ trợ tiếng Việt) • Điều khiển tivi bằng điện thoại: Bằng ứng dụng LG TV Plus • Kết nối không dây với điện thoại, máy tính bảng: Chiếu màn hình Screen Mirroring • Kết nối Bàn phím, chuột: Có thể kết nối (sử dụng tốt nhất trong trình		0,0270

STT	Thiết bị	Địa điểm sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			duyệt web) • Tính năng thông minh khác: AI ThinQ, Tìm kiếm bằng giọng nói (có hỗ trợ tiếng Việt)		
37	Điều hòa treo tường	Phòng âm nhạc	LG 12000, 1 chiều công suất 1.5HP	Chiếc	0,0541
38	Đàn Organ	Phòng giáo dục nghệ thuật (tầng 4)-76m2	Yamaha PSR-S670, số phím 61, màn hình Full LCD 4.3", âm sắc 416 tiếng mặc định, 34 trống/bộ SFX, đệm 230, thu 16Track, kích thước 1004 x 134x 410 mm	Chiếc	0,0270
39	Đàn Organ dùng cho học sinh	Phòng giáo dục nghệ thuật (tầng 4)-76m2	Yamaha PSR-E453, 61 phím, Full dot LCD, số đa âm 48, số giọng 237+24, âm li 6W, Loa 12cmx2, tiêu thụ điện 8W, tự động tắt nguồn	Chiếc	0,0270
40	Amply	Phòng giáo dục nghệ thuật (tầng 4)-76m2	TOA A2120H; Nguồn 220-240v, công suất 120w, tần số 50-20,000Hz, kích thước 420 x 101 x 360 mm	Chiếc	0,0270
41	Loa hộp 10W	Phòng giáo dục nghệ thuật (tầng 4)-76m2	TOA BS-1110W; Công suất 10w, trở kháng 100v, tần số 150Hz, loa hình nón đường kính 12cm, kích thước 180 x 360 x 100	Chiếc	0,1081
42	Micro không dây cầm tay	Phòng giáo dục nghệ thuật (tầng 4)-76m2	WT5810F01+ mic WM5225F01, 16 kênh lựa chọn, RF 50mw, cấp đầu 126dB, tần số âm thanh 100Hz	Chiếc	0,0270
43	Máy chiếu đa năng MAXELL	Phòng mỹ thuật (02 phòng)	Máy chiếu đa năng MAXELL, nguồn điện 100-240v, cường độ sáng 3,300Ansi; độ phân giải XGA 1024x768, tương phản 20,000:1, hiển thị 1,7-6,0m, khung hình chiếu 30-300inch, số màu hiển thị 16,7tr màu	Chiếc	0,0541
44	Điều hòa treo tường	Phòng mỹ thuật (02 phòng)	Điều hòa LG 24000, 1 chiều công suất 2HP	Chiếc	0,1081
45	Máy chiếu đa năng công nghệ LCD	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	Cổng kết nối:HDMI x 2, VGA x 2, VIDEO, S VIDEO,USB Type A, USB Type B, RS232,Microphone. Wireless qua IFU-WLM3 (Option). LAN (RJ45), USB; Loa: 16 W; Nguồn điện: 100 - 240 V AC, 50 Hz, độ phân giải 1024 x 768; tương phản 20,000:1; KT hiển thị 762-7,620mm, khung hình 30-300inch, Kích thước 365x96,2x252	Chiếc	0,0270
46	Switch 24 port	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	TP-Link TL-SG1024: 24 cổng Gigabit, 24 cổng tốc độ hỗ trợ 10/100/1000Mbps	Chiếc	0,1081
47	Ổn áp	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	Lioa DRI-15000 15KVA, dải điện áp 90v-250v, nguồn điện ra 100v-220v	Chiếc	0,0541
48	Thiết bị âm thanh hỗ trợ giảng dạy	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	Trung Quốc Behringer MPA100BT, công suất	Bộ	0,0270

STT	Thiết bị	Địa điểm sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			100w, âm ly Class D, pin 12v, kích thước 373x241x229 mm		
49	Thiết bị âm thanh hỗ trợ giảng dạy	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	Behringer MPA100BT: 01 loa liền âm ly, 02 micro không dây cầm tay, pin khô, 02 micro cài ve áo, công suất 100W, số kênh 79, nguồn 100-240v, 50/60Hz, kích thước 373x241x229	Bộ	0,0270
50	Máy tính xách tay/ Thiết bị điện tử (CD)	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	Máy tính xách tay/ Thiết bị điện tử (CD) Dell 14 inch, 16 GB	Chiếc	0,0270
51	Máy vi tính để bàn	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	Cấu hình 2A Bộ vi xử lý: Intel® Pentium® Gold G6400 bộ nhớ đệm 4M, 4,10 GHz Bộ nhớ trong (Ram): 4GB DDR4 Bus 2666MHz Ổ cứng: SSD 240GB Mainboard: ≥ Chipset Intel H470 Card màn hình onboard: HD Graphics Card âm thanh onboard: High Definition Audio Màn hình: 19.5" HD Nguồn cung cấp: ≥ 180W Chuột, bàn phím kết nối USB Bảo hành: 12 tháng	Chiếc	0,4324
52	Máy vi tính để bàn	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	Máy vi tính để bàn FPT 19,5" Ram 4GB, HD 1600x900; DDR4: 2400MHz; Ổ cứng 7200RPM	Bộ	0,9189
53	Điều hòa treo tường	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	Điều hòa 1 chiều Daikin treo tường 18000	Bộ	0,0541
54	Điều hòa treo tường	Phòng thực hành tin học (02 phòng)	Điều hòa treo tường LG 1 chiều 12000	Bộ	0,0541
55	Cây nước có ngăn mát khử trùng	Thư viện (phòng đọc học sinh)	Kangaroo KG34C, Công suất:585 W, làm nóng 500 W, làm lạnh 85 W	Chiếc	0,0270
56	Bàn quầy	Thư viện (mượn sách)	Gỗ công nghiệp lõi xanh chống ẩm phủ Melamin, KT W6000xD700xH750/1100mm, mặt trong chia đôi tách 2 chỗ ngồi	Chiếc	0,0270
57	Giá sách kiểu 3	Thư viện (phòng đọc học sinh)	KT: 4800x350x800/2100mm. Chất liệu: gỗ cao su ghép thanh dày 18 mm, có thể sơn màu, gồm nhiều đợt và vách sao cho cân đối, đặt tại vị trí cửa sổ	Chiếc	0,0270
58	Phần mềm quản lý thư viện	Thư viện (mượn sách)	Phần mềm quản lý thư viện của công ty Quảng Ích	Bộ	0,0270
59	Trụ Cầu Lông + lưới + 04 đôi vợt	Phòng tập đa năng (Diện tích 378,7m2)	Trụ cầu lông: Được thiết kế chắc chắn từ sắt vuông 40 x 40, sơn tĩnh điện và đối trọng nặng 50 kg. Trụ có	Chiếc	0,0541

STT	Thiết bị	Địa điểm sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			bánh xe di động, màu sắc xám trắng KT 1550x570mm, KT ống của đối trọng D90mm và D114mm. Lưới cầu lông làm từ chất liệu dù, ô lưới đều đẹp		
60	Bàn bóng bàn thi đấu + 04 vợt	Phòng tập đa năng (Diện tích 378,7m2)	Mặt bàn ván dày 20mm, Khung bằng sắt sơn tĩnh điện, bàn xếp gọn, mặt bàn ván dày 20mm, KT 1530x1370x760mm, di chuyển bằng bánh xe	Chiếc	0,0541
61	Máy tính bảng	Phòng học thông minh	Máy tính bảng Masstel Tab 11 Ultra 4G; màn hình 10,95 inch; Ram - Rom: 8GB - 256 GB	Chiếc	0,8108
62	Màn hình tương tác thông minh	Phòng học thông minh	Màn hình tương tác thông minh Maxhub 75 inch	Chiếc	0,0270

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Biểu số 03

ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT
DỊCH VỤ GIÁO DỤC ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TRƯỜNG TIỂU HỌC VẠN BẢO, PHƯỜNG HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
ĐỊNH MỨC VẬT TƯ

(Kèm theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
1	Ghế giáo viên	Phòng học	Hòa Phát TGA01 Kích thước: Chiều dài (W): 430 mm, chiều sâu (D): 520 mm, chiều cao (H): 1050 mm.	Chiếc	1,0270
2	Bàn giáo viên	Phòng học	Hòa Phát AT204HL Kích Thước: W1200 x D700 x H750 mm	Chiếc	1,0270
3	Bảng trượt	Phòng học	Tân Hà, Hệ bảng trượt ngang, Thiết kế thanh gọn với hệ thanh ray trượt trên và dưới toàn bộ được kết hợp bởi thanh thép hộp 30*30*1mm sơn tĩnh điện cùng thanh hợp kim nhôm định tạo rãnh dẫn hướng cho bảng. Lớp trượt thứ nhất gồm 2 bảng mặt Hàn Quốc kích thước 1,2x1,8m trượt trên ray. Kẻ ô vuông 50x50mm	Chiếc	1,0270
4	Tủ để đồ cá nhân của học sinh	Phòng học	KT: D1700xR550xC950, tủ chia 2 đợt, 4 cánh có khóa, bằng thép tấm 1 mm sơn tĩnh điện, hậu có gân tăng cứng	Chiếc	2,0541
5	Tủ đựng thiết bị dạy học	Phòng học	Tủ cao gồm 02 phần: Phần trên gồm 02 cánh kính có khoá, tay nắm sắt mạ, 02 đợt di động. Phần dưới có 02 cánh sắt mở khoá riêng biệt, tay nắm sắt tròn mạ Cr-Ni. Kích thước: W1000 x D450 x H1830 mm	Chiếc	1,0270
6	Tủ để cốc chén treo	Phòng học	Tủ gồm 1 khoang cánh kính mở 2 bên, bên trong có 05 đợt nan nhôm. Treo cố định trên tường bằng ke chắc chắn. Chất liệu: khung kính nhôm sơn tĩnh điện trắng sứ, cánh có nam châm, có khay hứng nước bên trong. Kích thước:	Chiếc	1,0270

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			750 x 550 x 150, kính dày 4,5mm		
7	Bàn ghế bán trú học sinh	Phòng học	Bàn học bán trú Bàn ghế liền hai chỗ ngồi dùng cho bán trú MBG8.5 (gỗ MDF) - Kích thước: Cao bàn 67 cm, sâu bàn 80 cm (khi mở), rộng bàn 120 cm; Cao ghế 38 cm, sâu ghế 22 cm, rộng ghế 120 cm. - Kiểu dáng, màu sắc: Bàn 02 chỗ ngồi, bàn phẳng, các cạnh, góc mài tròn (tiện ghép nhóm); màu sắc tự nhiên theo vân gỗ (đảm bảo thẩm mỹ, phù hợp lứa tuổi và môi trường sư phạm). - Kết cấu, vật liệu: + Khung bàn, ghế bằng thép hộp 50x25mm dày 1,2mm, thép hộp 25x25mm dày 1,0mm.	Bộ	18,4865
8	Giá treo khăn mặt	Phòng học	Inox 304, dày 1,5 ly, nặng 3kg	Cái	1,0270
9	Quạt trần	Phòng học	Quạt trần điện cơ thống nhất	Cái	4,1081
10	Bóng điện	Phòng học	Bóng tuýp 1,2m	Cái	25,6757
11	Ảnh Bác	Phòng học	Ảnh đóng khung	Cái	1,0270
12	5 điều Bác dạy	Phòng học	In bạt căng khung	Cái	1,0270
13	Trích thư của Bác	Phòng học	In bạt căng khung	Cái	1,0270
14	Biển lớp	Phòng học	Inox 304, nặng 3kg	Cái	1,0270
15	Khăn mặt	Phòng học	Bông sợi	Cái	72,9730
16	Chăn len	Phòng học	Len sợi	Cái	5,4054
17	Ga len	Phòng học	Len sợi	Cái	4,0541
18	Cốc Inox	Phòng học	Inox thăng long	Cái	35,1351
19	- Mua sách giáo khoa, sách tham khảo, nâng cao khối 1: 10 bộ x 1,200,000đ	Phòng học	Sách giáo khoa	bộ	0,2162
20	- Mua sách giáo khoa, sách tham khảo, nâng cao khối 2: 10 bộ x 1,200,000đ	Phòng học	Sách giáo khoa	bộ	0,1892
21	- Mua sách giáo khoa, sách tham khảo, nâng cao khối 3: 9bộ x 1,200,000đ	Phòng học	Sách giáo khoa	bộ	0,1892
22	- Mua sách giáo khoa, sách tham khảo, nâng cao khối 4: 12bộ x 1,200,000đ	Phòng học	Sách giáo khoa	bộ	0,1622
23	- Mua sách giáo khoa, sách tham khảo, nâng cao khối 5: 12bộ x 1,200,000đ	Phòng học	Sách giáo khoa	bộ	0,2432

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
24	In đề thi (4 lần x 3 môn x 2 tờ x 1235HS)	Phòng học	Giấy	Tờ	804,3243
25	Giấy gam A4	Phòng học	Loại thông dụng	Thùng	4,8649
26	Bút bi xanh	Phòng học	Loại thông dụng	Hộp	3,2432
27	Bút bi đỏ	Phòng học	Loại thông dụng	Hộp	4,0541
28	Bút dạ	Phòng học	Loại thông dụng	Hộp	0,8108
29	Bút nhớ	Phòng học	Loại thông dụng	Hộp	0,2703
30	Bìa màu	Phòng học	Loại thông dụng	Thùng	1,0811
31	Băng dán gáy	Phòng học	Loại thông dụng	Cây	1,8919
32	Phấn	Phòng học	Loại thông dụng	Thùng	1,3514
33	Thước kẻ	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	2,7027
35	Cặp clear	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	27,0270
36	Cặp hộp để tài liệu	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	4,0541
37	Cặp ba dây vải	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	4,0541
38	Cặp 30 lá	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	1,3514
39	Giấy vệ sinh	Phòng học	Loại thông dụng	Bịch	16,2162
40	Nước rửa tay	Phòng học	Loại thông dụng	Can	1,3514
41	Nước sát khuẩn	Phòng học	Loại thông dụng	Chai	2,7027
42	Nước lau sàn	Phòng học	Loại thông dụng	Can	4,0541
43	Xà phòng	Phòng học	Loại thông dụng	Gói	2,7027
44	Nước tẩy WC	Phòng học	Loại thông dụng	Thùng	0,6757
45	Chổi lau nhà	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	1,0811
46	Chổi đẩy nước	Phòng học	Loại thông dụng	Cía	1,0811
47	Chổi chít	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	3,2432
48	Xô nhựa	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	1,3514
49	Chậu nhựa	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	1,3514
50	Hót rác	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	1,3514
51	Thảm chùi chân	Phòng học	Loại thông dụng	Cái	1,3514
52	Tủ sắt 18 ô	Thư viện	Hòa Phát TU986-3K, tủ để đồ học sinh sơn tĩnh điện, 18 khoang, 18 cánh sắt có mở khóa, KT 915x450x1830	Chiếc	0,0811
53	Bàn quầy	Thư viện	Gỗ công nghiệp lõi xanh chống ẩm phủ Melamin, KT W6000xD700xH750/1100mm, mặt trong chia đôi tách 2 chỗ ngồi	Chiếc	0,0270
54	Ghế làm việc dùng cho nhân viên	Thư viện	Hòa Phát SG550, ghế xoay, chân bánh xe, tay ghế nhựa, đệm tựa vải nỉ, KT 530x540x890/1000mm	Chiếc	0,0270
55	Tủ mục lục	Thư viện	Hòa Phát TU 118-21D, KT: 1180x407x915mm, sơn tĩnh điện, 21 ngăn Hòa phát, 3 khoang	Chiếc	0,0541
56	Tủ để cốc chén treo	Thư viện	Tủ gồm 1 khoang cánh kính mở 2 bên, bên trong có 05 đợt nan nhôm. Treo cố định trên tường bằng ke chắc chắn. Chất liệu: khung kính nhôm sơn tĩnh điện trắng sứ, cánh có nam châm, có khay hứng nước bên trong. Kích thước:	Chiếc	0,0270

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			750 x 550 x 150, kính dày 4,5mm		
57	Bàn đọc	Thư viện	Kích thước 2400x1200x600mm. Khung bàn làm bằng thép hộp 40x40x1mm, sơn tĩnh điện, có đầu bịt bằng cao su chống trơn trượt và va đập.Mặt bàn làm bằng gỗ cao su ghép thanh dày 18mm	Chiếc	0,0541
58	Ghế cho bàn đọc	Thư viện	Khung bằng sắt sơn tĩnh điện, chống xước, chân trụ chính bàn bằng thép hộp 25x25x1mm, KT 300x300x350Chất liệu: Mặt ghế, mặt tựa làm bằng gỗ cao su ghép thanh qua xử lý và tẩm sấy công nghiệp mặt dày 18mm liên kết với khung bằng kết cấu vít xuyên tạo thế vững chắc.	Chiếc	0,6486
59	Bàn vi tính	Thư viện	Hòa Phát AT204HL KT 1200x700x750, bàn có hộc gỗ treo, kệ để CPU khay để bàn phím, gỗ Melamire	Chiếc	0,0811
60	Ghế gấp	Thư viện	Hòa Phát G04I, KT 460x515x890, khung Inox phi 22, tựa mút bọc PVC xanh	Chiếc	0,0811
61	Bàn đọc sách tròn	Thư viện	Chất liệu bằng gỗ cao su ghép thanh dày 18mm, có thể sơn màu theo yêu cầu, 02 mặt bàn hình bán nguyệt, đường kính ngoài 1200mm, cao 600mm	Chiếc	0,2703
62	Bàn đọc sách kiểu bàn Osin	Thư viện	KT: 1200x400x300. Chất liệu bằng gỗ cao su ghép thanh dày 18mm, có thể sơn màu theo yêu cầu	Chiếc	0,2703
63	Đệm mút ngồi bàn đọc Osin	Thư viện	Chất liệu: Nệm tròn KT 500x500x50 mm, Mút bọc vải gấm dày dặn bền màu	Chiếc	1,0811
64	Ghế đôn hình trụ	Thư viện	Chất liệu: Khung gỗ chắc chắn, Chân nhựa chống trầy xước sàn nhà, bọc da công nghiệp + nệm mút cao cấp. KT đường kính 30cm, cao 40cm	Chiếc	1,0811
65	Giá sách kiểu 1	Thư viện	KT 1800x350x1200. Chất liệu: gỗ cao su ghép thanh dày 18 mm, có thể sơn màu, gồm 4 đợt (tính cả đợt đáy và đợt nóc), 1 vách	Chiếc	0,0811
66	Giá sách kiểu 2.1	Thư viện	KT: 2000x350x1200. Chất liệu: gỗ cao su ghép thanh dày 18 mm, có thể sơn màu, 4	Chiếc	0,2703

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			đợt (tính cả đợt đáy và đợt nóc), vách so le nhau		
67	Giá sách kiểu 3	Thư viện	KT: 4800x350x800/2100m. Chất liệu: gỗ cao su ghép thanh dày 18 mm, có thể sơn màu, gồm nhiều đợt và vách sao cho cân đối, đặt tại vị trí cửa sổ	Chiếc	0,0270
68	Tủ sách	Thư viện	Hòa Phát TU09K7CK, KT 1380x450x1830mm, tủ 6 khoang, 3 cánh kính bên trên, 3 cánh sắt bên dưới	Chiếc	0,0541
69	Giá sách 2 mặt	Thư viện	Hòa Phát GS5K2B, KT 1960x450x1875mm, sơn tĩnh điện, giá sắt thư viện, giá có 2 khoang sử dụng 2 mặt, có 5 tầng để tài liệu, các đợt và thanh chắn có thể di động.	Chiếc	0,1081
70	Giá tạp chí, báo	Thư viện	Chất liệu: Gỗ công nghiệp, KT W1200xD400x1600mm, dày 18mm	Chiếc	0,1081
71	Bàn đọc thư viện	Thư viện	Chất liệu: Gỗ công nghiệp, đường kính bàn 1350, cao 690mm, gỗ MDF chống ẩm thái	Chiếc	0,1081
72	Ghế đọc thư viện	Thư viện	Chất liệu: Gỗ công nghiệp, đường kính ghế 300, cao 430mm, gỗ MDF chống ẩm thái	Chiếc	1,3514
73	BỘ BÀN GHẾ THƯ VIỆN XANH	Thư viện	Chất liệu: Gỗ công nghiệp,, Bàn KT: 600x560x600mm; Ghế 300x335x300	BỘ	0,4324
74	Bàn giáo viên	Thư viện	Hòa Phát AT204HL,KT 1200x700x752mm Bàn có hộc, có kệ để CPU, khay để bàn phím	Chiếc	0,0541
75	Ghế gấp	Thư viện	Hòa Phát G04I, KT 460x515x890, khung Inox phi 22, tựa mút bọc PVC xanh	Chiếc	0,0541
76	Bàn đọc quây cho giáo viên	Thư viện	Hòa Phát CT2412V. KT 2400x1200x760mm, gỗ Vener sang trọng	Chiếc	0,0270
77	Ghế gấp	Thư viện	Hòa Phát G04I, KT 460x515x890, khung Inox phi 22, tựa mút bọc PVC xanh	Chiếc	0,4324
78	Tủ sách	Thư viện	Hòa Phát TU09K7CK, KT 1380x450x1830mm, tủ 6 khoang, 3 cánh kính bên trên, 3 cánh sắt bên dưới	Chiếc	0,0541
79	Giá sách	Thư viện	Hòa Phát GS1A, KT W1000xD395xH2020mm, sơn tĩnh điện cao cấp, giá thư viện 5 tầng	Chiếc	0,1351

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
80	Bàn đọc sách bán nguyệt	Thư viện	2 mặt bàn bán nguyệt, đường kính mặt bàn 1200mm, cao 650mm. Chất liệu bằng gỗ cao su ghép thanh dày 18mm, sơn phủ PU, có thể sơn màu theo yêu cầu	Chiếc	0,2703
81	Bàn đọc sách kiểu bàn Osin	Thư viện	KT 1200x400x300mm. Chất liệu bằng gỗ cao su ghép thanh dày 18mm, có thể sơn màu theo yêu cầu	Chiếc	0,2703
82	Đệm mút ngồi bàn đọc Osin	Thư viện	Chất liệu: Nệm tròn KT 500x500x50 mm, Mút bọc vải gấm dày dặn bền màu	Chiếc	0,5405
83	Ghế bàn đọc	Thư viện	Chất liệu: Mặt ghế, mặt tựa làm bằng gỗ cao su ghép thanh qua xử lý và tẩm sấy công nghiệp mặt dày 18mm qua xử lý tẩm sấy công nghiệp liên kết với khung bằng kết cấu vít xuyên tạo thế vững chắc. Khung sắt sơn tĩnh điện, chống xước, chống oxi hóa, thép hộp 25x25x1mm, KT R300, sâu 300, Cao350	Chiếc	0,5405
84	Giá sách kiểu ngôi nhà	Thư viện	KT 1200x330x1350mm. Chất liệu: gỗ cao su ghép thanh dày 18 mm, sơn PU, gồm 3 tầng	Chiếc	0,1081
85	Giá sách kiểu 2	Thư viện	KT 2000x350x1200. Chất liệu: gỗ cao su ghép thanh dày 18 mm, gồm 3 đợt tính cả đáy, vách so le nhau hình mái nhà	Chiếc	0,1081
86	Giá sách 2 mặt	Thư viện	Hòa Phát GS5K2B, KT 1960x450x1875mm, sơn tĩnh điện, giá sắt thư viện, giá có 2 khoang sử dụng 2 mặt, có 5 tầng để tài liệu, các đợt và thanh chẵn có thể di động.	Chiếc	0,2703
87	Giá thép đa năng	Thư viện	Hòa Phát GSK2. KT W200, D457, H200. thép đa năng 2 khoang 5 tầng	Chiếc	0,1351
88	Tủ đựng tài liệu	Thư viện	Hòa Phát TU09. KT W915, D450, H1830mm, Sơn tĩnh điện, 1 khoang 2 cánh mở chung	Chiếc	0,1622
89	Giá treo tranh, gồm 15 móc treo	Thư viện	Ống thép sơn tĩnh điện, gồm 15 móc treo, kT 120cm x 50cm x 160cm	Chiếc	0,0541
90	Phần mềm quản lý thư viện	Thư viện	Phần mềm quản lý thư viện của công ty Quảng ích	Bộ	0,0270
91	Quạt trần	Thư viện	Quạt trần điện cơ thống nhất	Cái	1,1081
92	Bóng điện	Thư viện	Bóng tuýp 1,2m	Cái	1,1351

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
93	Ghế giáo viên	Phòng thực hành ngoại ngữ	Hòa Phát TGA01. gỗ tự nhiên tựa có 1 nan bản rộng, KT dài 430, sâu 520, cao 1050mm	Chiếc	0,0541
94	Bàn giáo viên	Phòng thực hành ngoại ngữ	Hòa Phát AT204HL. Bàn máy tính có hộc gỗ treo, khay để bàn phím và kệ để CPU. KT W1200x D700 x H750mm	Chiếc	0,0541
95	Bảng chống lóa	Phòng thực hành ngoại ngữ	KT bảng W3600xH1200mm. Có kẻ ô vuông 50x50, mặt bảng chống lóa Hàn Quốc, dễ lau. Chống lóa, hít nam châm	Chiếc	0,0541
96	Tủ đựng thiết bị Chuyên dụng có ngăn để mixer riêng 12U.	Phòng thực hành ngoại ngữ	Gỗ dán nhiều lớp 9mm bền mặt tráng nhựa, góc bằng sắt dập mạ crom bóng đẹp, chân quay đa hướng có vòng bi bánh cao su bền chắc chắn. Đinh tán neo kép, xung quanh cạnh bọc góc nhôm dày..	Chiếc	0,0541
97	Tủ đựng tài liệu	Phòng thực hành ngoại ngữ	Tủ cao gồm 02 phần: Phần trên gồm 02 cánh kính có khoá, tay nắm sắt mạ, 02 đợt di động; Phần dưới có 02 cánh sắt mở khoá riêng biệt, tay nắm sắt tròn mạ Cr-Ni. Kích thước: W1000 x D450 x H1830 mm	Chiếc	0,0541
98	Bàn ghế bán trú học sinh	Phòng thực hành ngoại ngữ	Loại thông dụng	Bộ	0,9730
99	Bảng chống lóa	Phòng thực hành ngoại ngữ	Có kẻ ô vuông 50x50, mặt bảng chống lóa Hàn Quốc, dễ lau.	Chiếc	0,0541
100	Ghế giáo viên	Phòng thực hành ngoại ngữ	Hòa Phát TGA01 Kích thước: Chiều dài (W): 430 mm, chiều sâu (D): 520 mm, chiều cao (H): 1050 mm.	Chiếc	0,0541
101	Bàn giáo viên	Phòng thực hành ngoại ngữ	Hòa Phát AT204HL Kích Thước: W1200 x D700 x H750 mm	Chiếc	0,0541
102	Bảng trượt	Phòng thực hành ngoại ngữ	Tân Hà, Hệ bảng trượt ngang, Thiết kế thanh gọn với hệ thanh ray trượt trên và dưới toàn bộ được kết hợp bởi thanh thép hộp 30*30*1mm sơn tĩnh điện cùng thanh hợp kim nhôm định tạo rãnh dẫn hướng cho bảng.	Chiếc	0,0541
103	Tủ để đồ cá nhân của học sinh	Phòng thực hành ngoại ngữ	KT: D1700xR550xC950, tủ chia 2 đợt, 4 cánh có khóa, bằng thép tấm 1 mm sơn tĩnh điện, hậu có gân tăng cứng	Chiếc	0,0541
104	Tủ đựng thiết bị dạy học	Phòng thực hành ngoại ngữ	Tủ cao gồm 02 phần: Phần trên gồm 02 cánh kính có khoá, tay nắm sắt mạ, 02 đợt	Chiếc	0,0541

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			di động; Phần dưới có 02 cánh sắt mở khoá riêng biệt, tay nắm sắt tròn mạ Cr-Ni.Kích thước: W1000 x D450 x H1830 mm		
105	Tủ để cốc chén treo	Phòng thực hành ngoại ngữ	Tủ gồm 1 khoang cánh kính mở 2 bên, bên trong có 05 đợt nan nhôm. Treo cố định trên tường bằng ke chắc chắn. Chất liệu: khung kính nhôm sơn tĩnh điện trắng sứ, cánh có nam châm, có khay hứng nước bên trong. Kích thước: 750 x 550 x 150, kính dày 4,5mm	Chiếc	0,0541
106	Bàn ghế bán trú học sinh	Phòng thực hành ngoại ngữ	Bàn học bán trú Bàn ghế liền hai chỗ ngồi dùng cho bán trú MBG8.5 (gỗ MDF) - Kích thước: Cao bàn 67 cm, sâu bàn 80 cm (khi mở), rộng bàn 120 cm; Cao ghế 38 cm, sâu ghế 22 cm, rộng ghế 120 cm. - Kiểu dáng, màu sắc: Bàn 02 chỗ ngồi, bàn phẳng, các cạnh, góc mài tròn (tiện ghép nhóm); màu sắc tự nhiên theo vân gỗ (đảm bảo thẩm mỹ, phù hợp lứa tuổi và môi trường sư phạm). - Kết cấu, vật liệu: + Khung bàn, ghế bằng thép hộp 50x25mm dày 1,2mm, thép hộp 25x25mm dày 1,0mm.	Bộ	0,9730
107	Bộ phần mềm giảng dạy tích hợp hệ thống bảng tương tác, bộ Voting IRS (Mỗi một phòng học gồm 1 bộ phần mềm bản quyền HiTeach). Bảng tương tác và IRS được tích hợp hoàn hảo vào nền tảng liền mạch, Hiteach - phần mềm dạy học tích hợp, cho phép chụp ảnh, đánh dấu trên bảng và thực hiện các hoạt động bỏ phiếu IRS được thực hiện đồng thời. Với tích hợp 3 trong 1 này, người dùng không còn bị ảnh	Phòng thực hành ngoại ngữ	HiTeach. phần mềm giảng dạy tích hợp hệ thống bảng tương tác, bộ Voting IRS (Mỗi một phòng học gồm 1 bộ phần mềm bản quyền HiTeach). Bảng tương tác và IRS được tích hợp hoàn hảo vào nền tảng liền mạch, Hiteach - phần mềm dạy học tích hợp, cho phép chụp ảnh, đánh dấu trên bảng và thực hiện các hoạt động bỏ phiếu IRS được thực hiện đồng thời. Với tích hợp 3 trong 1 này, người dùng không còn bị ảnh hưởng bởi việc chuyển đổi giữa 3 phần mềm điều hành khác nhau.	Bộ	0,0541

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
	hưởng bởi việc chuyển đổi giữa 3 phần mềm điều hành khác nhau.				
108	Phần mềm sách giáo khoa tiếng Anh tương tác BookShelf theo cấp học (viết theo SGK của NXBGD theo chương trình giáo dục Tiếng anh của Bộ GD-ĐT đã được tái bản mới nhất):	Phòng thực hành ngoại ngữ	Phần mềm sách giáo khoa tiếng Anh tương tác BookShelf theo cấp học (viết theo SGK của NXBGD theo chương trình giáo dục Tiếng anh của Bộ GD-ĐT đã được tái bản mới nhất):	USB	0,0541
109	Dây loa	Phòng thực hành ngoại ngữ	Dây loa	mét	2,7027
110	Quạt trần	Phòng thực hành ngoại ngữ	Quạt trần điện cơ thống nhất	Cái	0,3243
111	Bóng điện	Phòng thực hành ngoại ngữ	Bóng tuýp 1,2m	Cái	1,9459
112	Tủ để cốc chén treo	Phòng thực hành ngoại ngữ	Tủ gồm 1 khoang cánh kính mở 2 bên, bên trong có 05 đợt nan nhôm. Treo cố định trên tường bằng ke chắc chắn. Chất liệu: khung kính nhôm sơn tĩnh điện trắng sứ, cánh có nam châm, có khay hứng nước bên trong. Kích thước: 750 x 550 x 150, kính dày 4,5mm	Chiếc	0,0541
113	Quạt trần	Phòng thực hành ngoại ngữ	Quạt trần điện cơ thống nhất	Cái	0,2162
114	Bóng điện	Phòng thực hành ngoại ngữ	Bóng tuýp 1,2m	Cái	1,3514
115	Ảnh Bác	Phòng thực hành ngoại ngữ	Ảnh đóng khun	Cái	0,0541
116	5 điều Bác dạy	Phòng thực hành ngoại ngữ	In bạt căng khung	Cái	0,0541
117	Trích thư của Bác	Phòng thực hành ngoại ngữ	In bạt căng khung	Cái	0,0541
118	Khẩu hiệu	Phòng thực hành ngoại ngữ	In bạt căng khung	Cái	0,0541
119	Trụ bóng rổ + Bóng rổ	Phòng tập đa năng	Thân trụ bóng rổ được làm từ thép ống dày, cực kỳ chắc chắn. Đế trụ nhựa PE dày, trụ bóng cao 252-312cm, đường	Chiếc	0,0541

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			kính vành rổ 48cm, KT bảng rổ 110x75cm, KT đế trụ 110x70x20cm		
120	Trụ Cầu Lông + lưới + 04 đôi vợt	Phòng tập đa năng	Trụ cầu lông: Được thiết kế chắc chắn từ sắt vuông 40 x 40, sơn tĩnh điện và đối trọng nặng 50 kg. Trụ mcaauf có bánh xe di động, màu sắc xám trắng KT 1550x570mm, KT ống của đối trọng D90mm và D114mm. Lưới cầu lông làm từ chất liệu dù, ô lưới đều đẹp	Chiếc	0,0541
121	Bàn bóng bàn thi đấu + 04 vợt	Phòng tập đa năng	Mặt bàn ván dày 20mm, Khung bằng sắt sơn tĩnh điện, bàn xếp gọn, mặt bàn ván dày 20mm, KT 1530x1370x760mm, di chuyển bằng bánh xe	Chiếc	0,0541
122	Tủ đựng dụng cụ	Phòng tập đa năng	Hòa Phát TU09K7CK, KT 1380x450x1830mm, tủ 6 khoang, 3 cánh kính bên trên, 3 cánh sắt bên dưới	Chiếc	0,0541
123	Giá đựng dụng cụ	Phòng tập đa năng	Hòa Phát GS5K2. KT dài 2000, Sâu 457, Cao 2000, khung sắt sơn tĩnh điện. Giá thép đa năng 2 khoang 5 tầng	Chiếc	0,0270
124	Khung thành bóng đá mini 5 người	Phòng tập đa năng	Chất liệu khung sắt sơn tĩnh điện: khung chính D76, khung phụ D60, giằng D34 mm. KT dài 3m x cao2m, sâu trên 0,8m, sâu dưới 1,2m. Lưới đan thủ công	Chiếc	0,0541
125	Bàn làm việc	Phòng tập đa năng	Chất liệu: gỗ phủ Melamine. KT W1200x D700 x H750mm, có hộc gỗ treo, kệ CPU, khay bàn phím	Chiếc	0,0270
126	Ghế gấp (chờ)	Phòng tập đa năng	Hòa Phát G04I, KT 460x515x890, khung Inox phi 22, tựa mút bọc PVC xanh	Chiếc	0,8108
127	Quạt treo tường	Phòng tập đa năng	Loại thông dụng	Cái	0,2162
128	Bóng điện	Phòng tập đa năng	Bóng tuýp 1,2m	Cái	1,2162
129	Ghế giáo viên	Phòng âm nhạc	Hòa Phát TGA01. gỗ tự nhiên tựa có 1 nan bản rộng, KT dài 430, sâu 520, cao 1050mm	Chiếc	0,0270
130	Bàn giáo viên (làm bàn để đàn)	Phòng âm nhạc	HGC-Mã số bàn AN1.2. Cao 72-76cm, Sâu 55cm, Rộng bàn 120cm. Bàn để đàn và học nhạc 2 chỗ ngồi, gỗ MDF phủ melamin	Chiếc	0,0270
131	Bàn học để đàn học sinh (Mã số bàn AN1)	Phòng âm nhạc	HGC-Mã số bàn AN1.1. Cao 72-76cm, Sâu 55cm, Rộng bàn 120cm. Bàn để đàn và học nhạc 2 chỗ ngồi, gỗ cao	Chiếc	0,1351

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			su ghép thanh, sơn phú PU 3 lớp		
132	Ghế học sinh học đàn (Mã số ghế NG2)	Phòng âm nhạc	HGC-Mã số ghế NG2. Cao ghế 44cm, Sâu ghế 36cm, rộng ghế 38cm. Ghế 1 chỗ ngồi, khung thép 20x40mm, xà trước thép hộp 20x20mm độ dày 1,0mm. Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ cao su ghép thanh loại A-B, vân gỗ sáng màu.	Chiếc	0,1351
133	Bàn ghế học sinh phòng Âm nhạc(Mã số bàn MBG8.5)	Phòng âm nhạc	HGC- Mã số bàn MBG8.5. Cao bàn 70cm, Sâu bàn 90cm, rộng bàn 120cm, cao ghế 44cm, sâu ghế 22cm, rộng ghế 120cm, bàn 2 chỗ ngồi, khung bàn thép hộp 50x25mm dày 1,0mm, xà giăng bằng hộp 20x20mm, độ dày 1,0mm. Mặt bàn, mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ cao su ghép thanh, ngăn bàn gỗ MDF phủ melamin	Bộ	0,3243
134	Bảng chống lóa	Phòng âm nhạc	Tân Hà , KT bảng W3600xH1200, có kẻ ô vuông 50x50, mặt bảng chống lóa Hàn Quốc, chống lóa khi viết, hít nam châm	Chiếc	0,0270
135	Tủ đựng tài liệu	Phòng âm nhạc	Hòa Phát TU09K3CK, gồm 2 phần, phần trên 2 cánh kính có khóa, phần dưới 02 cánh sắt, KT W1000xD450x H1830mm		0,0270
136	Tủ đựng thiết bị Chuyên dụng có ngăn để mixer riêng 12U.	Phòng âm nhạc	Tủ rack 12U. Gỗ dán nhiều lớp 9mm bền mặt tráng nhựa, góc bằng sắt dập mạ crom, chân quay đa hướng có vòng bi, bánh cao su	Chiếc	0,0270
137	Tủ để cốc chén treo	Phòng âm nhạc	Tủ gồm 1 khoang cánh kính mở 2 bên, bên trong có 05 đợt nan nhôm. Treo cố định trên tường bằng ke chắc chắn. Chất liệu: khung kính nhôm sơn tĩnh điện trắng sứ, cánh có nam châm, có khay hứng nước bên trong. Kích thước: 750 x 550 x 150, kính dày 4,5mm	Chiếc	0,0270
138	Thanh phách	Phòng âm nhạc	Loại thông dụng	Bộ	0,3514
139	Song loan	Phòng âm nhạc	Loại thông dụng	Bộ	0,3514
140	Trống nhỏ (đường kính 15cm)	Phòng âm nhạc	Loại thông dụng	Chiếc	0,6757

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
141	Tam giác chuông	Phòng âm nhạc	Loại thông dụng	Bộ	0,2703
142	Trống lục lạc, trống lắc tay inox Yamaha	Phòng âm nhạc	Loại thông dụng	Bộ	0,1622
143	Đàn ghi ta	Phòng âm nhạc	Loại thông dụng	Chiếc	0,1622
144	Khèn	Phòng âm nhạc	Loại thông dụng	Chiếc	0,1622
145	Sáo	Phòng âm nhạc	Loại thông dụng	Chiếc	0,1622
146	Dây loa	Phòng âm nhạc	Loại thông dụng	mét	1,3514
147	Quạt trần	Phòng âm nhạc	Quạt trần điện cơ thống nhất	Cái	0,1081
148	Bóng điện	Phòng âm nhạc	Bóng tuýp 1,2m	Cái	0,6757
149	Ảnh Bác	Phòng âm nhạc	Ảnh đóng khung gỗ	Cái	0,0270
150	5 điều Bác dạy	Phòng âm nhạc	In bạt căng khung	Cái	0,0270
151	Trích thư của Bác	Phòng âm nhạc	In bạt căng khung	Cái	0,0270
152	Khẩu hiệu	Phòng âm nhạc	In bạt căng khung	Cái	0,0270
153	Giá treo khăn mặt	Phòng âm nhạc	Inox 304, 3 kg	Cái	0,0270
154	Ghế giáo viên	Phòng giáo dục nghệ thuật	Hòa Phát TGA01, KT dài 430mm, sâu 520mm, cao 1050mm. Ghế hội trường gỗ tự nhiên tự ghế có 1 nan bản rộng	Chiếc	0,0270
155	Bàn giáo viên (làm bàn để đàn)	Phòng giáo dục nghệ thuật	KT 1200x550x750mm. Chất liệu: gỗ cao su ghép thanh phun PU bóng mờ 3 lớp, mặt bàn dày 18mm, yếm, vách sát đất dày 15mm. Có khoang để đàn, nắp đạy, khi mở ra cóa giá để tài liệu	Chiếc	0,0270
156	Bảng chống lóa	Phòng giáo dục nghệ thuật	KT W360xH1200mm , có kẻ ô vuông 50x50, mặt bằng chống lóa Hàn quốc , hít nam châm	Chiếc	0,0270
157	Tủ đựng tài liệu	Phòng giáo dục nghệ thuật	Tủ cao gồm 02 phần: Phần trên gồm 02 cánh kính có khoá, tay nắm sắt mạ, 02 đợt di động - Phần dưới có 02 cánh sắt mở khoá riêng biệt, tay nắm sắt tròn mạ Cr-Ni. Kích thước: W1000 x D450 x H1830 mm		0,0270
158	Bàn để đàn cho học sinh	Phòng giáo dục nghệ thuật	Chất liệu: gỗ cao su ghép thanh phun PU bóng mờ 3 lớp, mặt bàn dày 18mm, yếm, vách sát đất dày 15mm	Chiếc	0,0270

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
159	Tủ đựng thiết bị Chuyên dụng có ngăn để mixer riêng 12U.	Phòng giáo dục nghệ thuật	Gỗ dán nhiều lớp 9mm bền mặt tráng nhựa	Chiếc	0,0270
160	Giá vẽ tranh ngoài trời	Phòng giáo dục nghệ thuật	Chất liệu bằng sắt sơn tĩnh điện. Khung chính 30x30x0.6mm, chân 25x25x0.6mm	Chiếc	0,1622
161	Dây loa	Phòng giáo dục nghệ thuật	Dây loa	mét	1,3514
162	Ghế giáo viên	Phòng mỹ thuật	Hòa Phát TGA01. KT dài 430mm, sâu 520mm, cao 1050mm. Ghế hội trường gỗ tự nhiên tự ghế có 1 nan bản rộng	Chiếc	0,0541
163	Bàn giáo viên	Phòng mỹ thuật	Hòa Phát AT204HL. Bàn máy tính có hộc gỗ treo, kệ để CPU và khay để bàn phím, KT 1200x700x750mm, gỗ Melamine cao cấp	Chiếc	0,0541
164	Bàn học sinh phòng học mỹ thuật một chỗ ngồi (Mã số bàn MTB1.2)	Phòng mỹ thuật	HGC-Mã số bàn MTB1.2. Bàn 1 chỗ ngồi cao 50-92cm, sâu bàn 50cm, rộng bàn 80cm, khung chính chân bàn bằng thép hộp 20x40mm dày 1,2mm, có tăng chỉnh chiều cao, mặt bàn bằng gỗ cao su ghép thanh	Chiếc	1,6216
165	Ghế học sinh phòng Mỹ thuật (Mã số ghế NG2)	Phòng mỹ thuật	HGC-Mã số ghế NG2. KT cao ghế 44cm, sâu ghế 36cm, rộng ghế 38cm. Ghế 1 chỗ ngồi, khung bằng thép 20x40mm, mặt ghế tựa ghế làm bằng gỗ cao su ghép thanh.	Chiếc	1,6216
166	Bảng chống lóa	Phòng mỹ thuật	Tân Hà. Kích thước W3600xH1200mm, có kẻ ô vuông 50x50, chống lóa khi viết phấn, hít nam châm	Chiếc	0,0541
167	Tủ đựng tài liệu	Phòng mỹ thuật	Hòa Phát TU09K3CK. Tủ cao gồm 02 phần: Phần trên gồm 02 cánh kính có khoá, tay nắm sắt mạ, 02 đợt di động - Phần dưới có 02 cánh sắt mở khoá riêng biệt, tay nắm sắt tròn mạ Cr-Ni. Kích thước: W1000 x D450 x H1830 mm		0,0541
168	Giá vẽ cao 2 mặt đa năng	Phòng mỹ thuật	Bảng gỗ đa năng 2 mặt, 1 mặt viết phấn, 1 mặt viết bút lông, dính nam châm, kèm giá đỡ	Chiếc	0,3514
169	Bảng vẽ cá nhân	Phòng mỹ thuật	Chất liệu bằng gỗ DMF chống ẩm, dày 5mm, kích thước 300x420x5mm	Chiếc	0,3514
170	Nẹp treo tranh 78cm	Phòng mỹ thuật	Chất liệu gỗ	Chiếc	1,0811

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
171	Giá treo tranh, gồm 15 móc treo	Phòng mỹ thuật	Ống thép sơn tĩnh điện, Kích thước 120cm x 50cm x 160cm	Chiếc	0,2973
172	Tủ để cốc chén treo	Phòng mỹ thuật	Tủ gồm 1 khoang cánh kính mở 2 bên, bên trong có 05 đợt nan nhôm. Treo cố định trên tường bằng ke chắc chắn. Chất liệu: khung kính nhôm sơn tĩnh điện trắng sứ, cánh có nam châm, có khay hứng nước bên trong. Kích thước: 750 x 550 x 150, kính dày 4,5mm	Chiếc	0,0541
173	Quạt trần	Phòng mỹ thuật	Quạt trần điện cơ thống nhất	Cái	0,2162
174	Bóng điện	Phòng mỹ thuật	Bóng tuýp 1,2m	Cái	0,3243
175	Ghế giáo viên	Phòng khoa học – công nghệ	Hòa Phát TGA01. KT dài 430mm, sâu 520mm, cao 1050mm. Ghế hội trường gỗ tự nhiên tự ghế có 1 nan bản rộng	Chiếc	0,0541
176	Bàn giáo viên	Phòng khoa học – công nghệ	Hòa Phát AT204HL. Bàn máy tính có hộc gỗ treo, kệ để CPU và khay để bàn phím, KT 1200x700x750mm, gỗ Melamine cao cấp	Chiếc	0,0541
177	Bảng chống lóa	Phòng khoa học – công nghệ	Tân Hà. Kích thước W3600xH1200mm, có kẻ ô vuông 50x50, chống lóa khi viết phấn, hít nam châm	Chiếc	0,0541
178	Tủ để đồ cá nhân của học sinh	Phòng khoa học – công nghệ	HGC, KT: D1800xR600xC1600mm, chia thành 3 đợt, 4 cánh lùa có khóa, bằng thép tấm 0.7mm sơn tĩnh điện, hậu có gân tăng cứng	Chiếc	0,1081
179	Tủ đựng thiết bị dạy học	Phòng khoa học – công nghệ	Hòa Phát TU09K3CK. Tủ cao gồm 2 phần, phần trên gồm 2 cánh kính có khóa, tay nắm sắt mạ, phần dưới có 2 cánh sắt mở khóa riêng biệt, tay nắm sắt tròn, KT W1000xD450xH1830mm	Chiếc	0,0541
180	Bàn thực hành	Phòng khoa học – công nghệ	KT 1700x750x630mm, Bàn 2 tầng . Mặt bàn bằng tấm inox 201 dày 0.8mm Posco nhập khẩu Hàn Quốc, gấp mép 40 mm bằng máy chấn thủy lực. Mặt bàn có gân tăng cứng. Tầng dưới bằng nan hộp thoáng để đồ, khung Inox 201 hộp 20x40mm dày 0,8mm, nan hộp 10x40mm dày	Chiếc	0,1622

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			0,7mm. Chân hộp 40x40mm dày 0,8mm, tăng chỉnh độ cao		
181	Ghế ngồi Học sinh	Phòng khoa học – công nghệ	KT: cao 450mm, đường kính mặt ghế 270mm. Chân ghế bằng ống inox ø22mm có thanh giằng chân đảm bảo chắc chắn, Bằng vật liệu inox SUS 201, Mặt ghế có các gân sần chống trơn trượt	Chiếc	1,6216
182	Tủ để cốc chén treo	Phòng khoa học – công nghệ	HGC, Chất liệu: khung kính nhôm sơn tĩnh điện trắng sứ, cánh có nam châm, có khay hứng nước bên trong.	Chiếc	0,0541
183	Tủ y tế treo tường	Phòng khoa học – công nghệ	HGC, Chất liệu: Khung bằng nhôm sơn tĩnh điện, cánh có kính dày 4,5mm. KT 450x350x150mm	Chiếc	0,0541
184	Ghế giáo viên	Phòng thực hành tin học	Hòa Phát TGA01. KT dài 430mm, sâu 520mm, cao 1050mm. Ghế hội trường gỗ tự nhiên tự ghế có 1 nan bản rộng	Chiếc	0,0541
185	Bàn giáo viên	Phòng thực hành tin học	Hòa Phát AT204HL. Bàn máy tính có hộc gỗ treo, kệ để CPU và khay để bàn phím, KT 1200x700x750mm, gỗ Melamine cao cấp	Chiếc	0,0541
186	Bàn máy tính học sinh phòng tin học (2 chỗ ngồi, 1 bàn phím)	Phòng thực hành tin học	HGC-mã số bàn TB1,3. bàn 2 chỗ ngồi 1 bàn phím, Cao 75cm, Sâu 50cm, rộng 120cm. Gỗ gỗ cao su ghép thanh	Chiếc	1,4054
187	Ghế học sinh phòng Tin học (Mã số ghế NG2)	Phòng thực hành tin học	HGC-Mã số ghế NG2. Cao ghế 44cm, Sâu ghế 36cm, rộng ghế 38cm. Ghế 1 chỗ ngồi, khung thép 20x40mm, xà trước thép hộp 20x20mm độ dày 1,0mm. Mặt ghế, tựa ghế bằng gỗ cao su ghép thanh loại A-B, vân gỗ sáng màu.	Chiếc	1,4054
188	Bảng chống lóa	Phòng thực hành tin học	Tân Hà. Kích thước W3600xH1200mm, có kẻ ô vuông 50x50, chống lóa khi viết phấn, hít nam châm	Chiếc	0,0541
189	Tủ đựng tài liệu	Phòng thực hành tin học	Hòa Phát TU09K3CK. Tủ cao gồm 2 phần, phần trên gồm 2 cánh kính có khóa, tay nắm sắt mạ, phần dưới có 2 cánh sắt mở khóa riêng biệt, tay nắm sắt tròn, KT W1000xD450xH1830mm	Chiếc	0,0541
190	Tủ để cốc chén treo	Phòng thực hành tin học	HGC, Chất liệu: khung kính nhôm sơn tĩnh điện trắng sứ,	Chiếc	0,0541

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			cánh có nam châm, có khay hứng nước bên trong.		
191	Quạt trần	Phòng thực hành tin học	Quạt trần điện cơ thống nhất	Cái	0,2973
192	Bóng điện	Phòng thực hành tin học	Bóng tuýp 1,2m	Cái	1,8378
193	5 điều Bác dạy	Phòng thực hành tin học	In bạt căng khung	Cái	0,0541
194	Trích thư của Bác	Phòng thực hành tin học	In bạt căng khung	Cái	0,0541
195	Khẩu hiệu	Phòng thực hành tin học	In bạt căng khung	Cái	0,0541
196	Tủ mạng NET Rack 19" Systems 15U Series 600	Phòng thực hành tin học	NET Rack 19" Systems 15U. Tủ mạng 15U, sâu 800mm, chất liệu thép kiểu mắt lưới hoặc mica, 02 cửa, 1 quạt thông gió. KT Cao 810mm. Rộng 550mm, sâu 800mm, thép tấm sơn tĩnh điện, 4 bánh xe đa hướng	Chiếc	0,0541
197	Ghế giáo viên	Phòng đa chức năng	Hòa Phát TGA01. KT dài 430mm, sâu 520mm, cao 1050mm. Ghế hội trường gỗ tự nhiên tự ghế có 1 nan bản rộng	Chiếc	0,0541
198	Bàn giáo viên	Phòng đa chức năng	Hòa Phát AT204HL. Bàn máy tính có hộc gỗ treo, kệ để CPU và khay để bàn phím, KT 1200x700x750mm, gỗ Melamine cao cấp	Chiếc	0,0541
199	Bảng chống lóa	Phòng đa chức năng	Tân Hà. Kích thước W3600xH1200mm, có kẻ ô vuông 50x50, chống lóa khi viết phấn, hít nam châm	Chiếc	0,0541
200	Tủ để đồ cá nhân của học sinh	Phòng đa chức năng	HGC, KT: D1800xR600xC1600mm, chia thành 3 đợt, 4 cánh lùa có khóa, bằng thép tấm 0.7mm sơn tĩnh điện, hậu có gân tăng cứng	Chiếc	0,1081
201	Tủ đựng thiết bị dạy học	Phòng đa chức năng	Hòa Phát TU09K3CK. Tủ cao gồm 2 phần, phần trên gồm 2 cánh kính có khóa, tay nắm sắt mạ, phần dưới có 2 cánh sắt mở khóa riêng biệt, tay nắm sắt tròn, KT W1000xD450xH1830mm	Chiếc	0,0541
202	Bàn đọc sách tròn	Phòng đa chức năng	HGC 02 mặt bàn bán nguyệt, đường kính ngoài 1200mm, cao 600mm. Chất liệu bằng	Chiếc	0,2703

STT	Vật tư, công cụ dụng cụ	Vị trí sử dụng	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Đơn vị tính	Định mức
			gỗ cao su ghép thanh loại A-A, dày 18mm, có thể sơn màu theo yêu cầu		
203	Ghế đôn hình trụ	Phòng đa chức năng	HGC, Chất liệu: Khung gỗ chắc chắn, Chân nhựa chống trầy xước sàn nhà, bọc da công nghiệp + nệm mút cao cấp.	Chiếc	1,6216
1	Tủ để cốc chén treo	Phòng đa chức năng	HGC, Chất liệu: khung kính nhôm sơn tĩnh điện trắng sứ, cánh có nam châm, có khay hứng nước bên trong.	Chiếc	0,0270